

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/DS-ST

Ngày 07 tháng 9 năm 2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Chuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1, Ông Nguyễn Ngọc Trứ

2, Ông Nguyễn Xuân Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sự- Thư ký Tòa án.

- Đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa: Bà Nguyễn Hồng Hạnh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 07/9/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 38/2021/TLST-DS ngày 26/3/2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2021/QĐXXST-DS ngày 22/7/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2021/QĐST- DS ngày 20/8/2021 giữa:

* Nguyên đơn: Cụ Nguyễn Thị Là, sinh năm 1942. Nơi cư trú: Thôn SGi, xã NS, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

* Bị đơn: Ông Hà Văn B, sinh năm 1969 và bà Trần Thị M, sinh năm 1970. Địa cư trú: Thôn SGi, xã NS, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/3/2021, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì nguyên đơn là cụ Nguyễn Thị Là trình bày: Ngày 25/7/2015, cụ cho bà Trần Thị M vay số tiền 200.000.000 đồng. Ngày 26/7/2017, bà M vay số tiền 200.000.000 đồng; ngày 13/4/2019 bà M vay số tiền 300.000.000 đồng. Tổng bà M số vay số tiền là 700.000.000 đồng và có viết giấy vay tiền chốt các lần vay vào ngày 10/10/2019. Khi vay hai bên có viết vay nhận tiền, có thỏa thuận lãi suất 1.5%/ tháng, thỏa thuận bằng miệng, không ghi vào giấy vay tiền. Cụ xác định toàn bộ chữ viết trong giấy chứng nhận cho vay tiền và chữ viết tại phần người cho vay “Là, Nguyễn Thị Là” là do cụ viết, còn chữ viết “M, Trần Thị M” là do bà Trần Thị M viết và ký. Bà M nói vay để làm ăn kinh tế. Từ khi vay bà M đã trả cho cụ 44.000.000 đồng tiền gốc và 144.000.000 đồng tiền

lãi trước ngày 13/4/2019. Nay cụ xác định đây là khoản tiền của cá nhân cụ và là công nợ chung của vợ chồng bà M và ông Bắc. Từ ngày 13/4/2019 đến nay thì bà M và ông Bắc chưa trả cho cụ ít tiền lãi nào. Các lần bà M trả tiền lãi cho cụ thì không lập thành văn bản, không có giấy tờ gì về việc trả tiền lãi. Đối với số tiền lãi mà bà M đã trả cho cụ thì cụ không có ý kiến gì và không có yêu cầu gì. Nay cụ yêu cầu bà M và ông Bắc đều phải có nghĩa vụ trả nợ cho cụ số tiền gốc 656.000.000 đồng tiền gốc và lãi 1.5%/tháng từ ngày 13/4/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 28 tháng 25 ngày nhưng cụ chỉ yêu cầu trả tiền lãi trong thời gian 28 tháng là 275.520.000 đồng. Ngoài ra cụ Là không còn yêu cầu gì khác.

* Bị đơn là bà Trần Thị M vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ, bà M trình: Ngày 25/7/2015, bà có vay của cụ Là số tiền 200.000.000 đồng. Ngày 26/7/2017 bà có vay của cụ Là số tiền 200.000.000 đồng; ngày 13/4/2019 bà có vay của cụ Là số tiền 300.000.000 đồng. Tổng số vay số tiền là 700.000.000 đồng và có viết giấy vay tiền chót ngày 10/10/2019. Khi vay, hai bên có viết vay nhận tiền, Toàn bộ chữ viết trong giấy chứng nhận cho vay tiền và chữ viết tại phần người cho vay “Là, Nguyễn Thị Là” là chữ viết của cụ Nguyễn Thị Là, còn chữ viết “ M, Trần Thị M” là do bà viết và ký tên.

Khi vay các bên có thỏa thuận lãi suất nhưng không ghi cụ thể vào giấy vay. Có khoản vay có lãi suất 1.5%/ tháng, có khoản tiền vay có lãi suất 2%/ tháng, còn cụ thể khoản nào thì bà không rõ. Mục đích bà vay tiền của cụ Là để cho người khác vay lấy tiền lãi trả cho cụ Là. Bà đã trả cho cụ Là tổng số tiền lãi là khoảng 290.000.000 đồng của tổng số tiền gốc 700.000.000 đồng, thời gian đã trả tiền lãi là từ khi bắt đầu vay (năm 2015) đến tháng 8/2019. Khi trả lãi không có giấy tờ gì, bà không có chứng cứ gì chứng minh cho việc trả số tiền lãi này. Bà là người trả tiền lãi. Đối với số tiền lãi đã trả cho cụ Là thì bà không có ý kiến gì và không có yêu cầu gì. Trong thời gian trả tiền lãi, khi người khác trả tiền lãi chậm cho bà thì bà lấy tiền của gia đình để trả tiền lãi cho cụ Là. Bà là người quản lý kinh tế của gia đình nên việc bà chi tiêu như thế nào thì chồng bà không nắm được. Khi bà lấy tiền lãi của người khác trả cho cụ Là thì bà không có tiền hoa hồng từ số tiền lãi. Số tiền gốc 44.000.000 đồng bà trả cho cụ Là vào sau tháng 9/2019. Bà đã trả tiền lãi cho cụ Là trong thời gian từ ngày 13/4/2019 đến tháng 8/2019 nhưng không xác định được số tiền lãi đã trả là bao nhiêu. Từ tháng 9 năm 2019 cho đến nay do gia đình bà bị vỡ nợ nên chưa trả được số tiền gốc 656.000.000 đồng và tiền lãi cho cụ Là. Nay cụ Là yêu cầu vợ chồng bà trả số tiền gốc là 656.000.000 đồng và tiền lãi là 1.5%/ tháng tính từ ngày 13/4/2019 thì bà chỉ đồng ý trả số tiền gốc. Bà xác định đây là khoản nợ của cá nhân bà, không phải là khoản nợ chung của vợ chồng, vì khi vay tiền của cụ Là thì chồng bà là ông Bắc không biết và không ký vào giấy vay tiền. Còn mức lãi suất 1.5%/tháng thì bà đồng ý và không có ý kiến gì. Do hoàn cảnh khó khăn nên bà xin không trả tiền lãi cho cụ Là, còn tiền gốc thì bà xin trả dần.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Hà Văn B không đến Tòa án để làm việc, không có quan điểm, ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị Là.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự. Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Buộc ông Hà Văn B và bà Trần Thị M trả cho cụ Nguyễn Thị Là số tiền 931.520.000 đồng (Trong đó tiền gốc là 656.000.000 đồng, tiền lãi là 275.520.000 đồng).

2. Về án phí: Ông Hà Văn B và bà Trần Thị M phải chịu 39.945.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]- Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Bị đơn là bà Trần Thị M và ông Hà Văn B đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với các đương sự này.

[2]- Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Cụ Nguyễn Thị Là có đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Bắc, bà M trả cho cụ số tiền gốc 656.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 1.5%/tháng kể từ 13/4/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm thì xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo. Bị đơn cư trú tại địa bàn huyện Hiệp Hòa. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự; Điều 26, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]- Về thời hiệu khởi kiện: Các bên không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1]- Đối với yêu cầu trả số tiền gốc 656.000.000 đồng thì thấy: Theo lời khai của cụ Là và bà M thì xác định được bà M nhiều lần vay tiền của cụ Là. Ngày 10/10/2019, các bên chốt nợ và xác định tổng số tiền bà M vay của cụ Là là 700.000.000 đồng bằng giấy chứng nhận cho vay tiền. Các bên thống nhất trình bày là bà M đã trả cho cụ Là được 44.000.000 đồng tiền gốc. Hiện nay bà M còn

nợ cụ Là 656.000.000 đồng tiền gốc. Cụ Là yêu cầu cả vợ chồng bà M và ông Bắc cùng liên đới trả cụ số tiền này. Bà M không đồng ý yêu cầu của cụ Là vì xác định đây là công nợ riêng của bà M vì bà vay của cụ Là là vay hộ người khác. Theo bà M thì khi trả tiền lãi cho cụ Là, khi người khác chậm trả tiền lãi cho bà thì bà lấy tiền của gia đình để trả tiền lãi cho cụ Là. Bà là người quản lý kinh tế của gia đình nên việc bà chi tiêu như thế nào thì chồng bà không nắm được. Như vậy không xác định được tiền chi tiêu cá nhân của bà M với tiền chi tiêu cho sinh hoạt của gia đình. Cũng theo bà M thì từ tháng 9/2019 đến nay do gia đình bà bị vỡ nợ nên chưa trả được tiền cho cụ Là. Do vậy, có căn cứ xác định bà M vay tiền của cụ Là là để chăm lo phát triển kinh tế của gia đình và xác định đây là công nợ chung của vợ chồng bà M và ông Bắc. Theo quy định tại Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình thì bà M và ông Bắc phải chịu trách nhiệm liên đới đối với khoản nợ mà cụ Là yêu cầu. Cụ Là yêu cầu vợ chồng bà M và ông Bắc phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho cụ số tiền gốc 656.000.000 đồng là có căn cứ và cần được chấp nhận theo Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự.

[4.2]- Đối với yêu cầu tiền lãi: Cụ Là yêu cầu bà M, ông Bắc trả số tiền lãi của số tiền gốc 656.000.000 đồng theo mức lãi suất 1.5%/tháng kể từ 13/4/2019 đến khi xét xử sơ thẩm là 28 tháng 25 ngày nhưng cụ Là chỉ yêu cầu tiền lãi trong thời hạn 28 tháng là 275.520.000 đồng. Theo lời trình bày của các đương sự thì xác định đây là khoản vay có lãi và mức lãi suất là 1,5%/tháng. Bà M xác định đã trả tiền lãi cho cụ Là trong khoảng thời gian từ ngày 13/4/2019 đến tháng 9/2019 nhưng bà M không xác định được số tiền lãi đã trả cho cụ Là là bao nhiêu và bà M không có tài liệu chứng cứ chứng minh bà M đã trả tiền lãi cho cụ Là trong khoảng thời gian từ ngày 13/4/2019 đến tháng 9/2019 nên không có căn cứ để xem xét. Do xác định đây là công nợ chung của ông Bắc và bà M nên cụ Là yêu cầu bà M và ông Bắc trả tiền lãi của số tiền gốc 656.000.000 đồng theo mức lãi suất 1.5%/tháng kể từ 13/4/2019 đến khi xét xử sơ thẩm là 28 tháng 25 ngày nhưng cụ Là chỉ yêu cầu tiền lãi trong thời hạn 28 tháng là 275.520.000 đồng là có căn cứ và cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Tại phiên tòa các bị đơn vắng mặt nên không thỏa thuận được lãi suất chậm thi hành án. Do vậy, lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[6]- Về án phí: Bà M và ông Bắc phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của cụ Là được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân

sự. Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Buộc bà Trần Thị M và ông Hà Văn B trả cho cụ Nguyễn Thị Là số tiền 931.520.000 đồng (Trong đó tiền gốc là 656.000.000 đồng, tiền lãi là 275.520.000 đồng).

2. Về án phí: Ông Hà Văn B và chị Trần Thị M phải chịu 39.945.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3, Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong đối với các khoản tiền mà bên có nghĩa vụ phải thanh toán cho bên được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Chuyên